TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2022
V/v "Ly hôn, t/c nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Đoàn Thị Thanh Hà.***

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ***Ông Ngô Xuân Dệt.***

2. Bà Trần Thị Ánh Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà ***Đặng Thị Lệ Quyên*** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa*: Bà ***Cao Thảo N*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 696/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N; sinh năm: 1979.

Địa chỉ: 72 đường T, tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Hồng Ph; sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 72 đường T, tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện nộp ngày 09 tháng 11 năm 2021, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phạm Hồng Ph tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định vào ngày 31/8/1998. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, lối sống, vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi nhau làm cho không khí gia đình căng thẳng. Chúng tôi đã sống ly thân nhau 05 năm nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với anh Phạm Hồng Ph.

- Về con chung: Tôi và anh Phạm Hồng Ph có hai con chung là Phạm Thị H, sinh năm 1998 và Phạm Thị Thùy T, sinh ngày 24/8/2004. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Thùy T cho đến

khi con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được. Đối với con chung là Phạm Thị H hiện nay đã trưởng thành nên tôi không có yêu cầu gì.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Phạm Hồng Ph. Tuy nhiên, anh Phạm Hồng Ph không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, anh Ph không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên toà.

Tại phiên toà chị Phạm Thị N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Phạm Hồng Ph. Về con chung: giao con chung là Phạm Thị Thùy T, sinh ngày 24/8/2004 cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động, tự lập. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Phạm Hồng Ph có địa chỉ tại 72 đường T, tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Ph đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phạm Hồng Ph.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Hồng Ph tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định vào ngày 31/8/1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N trình bày thì vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, cho đến đầu năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất

đồng về quan điểm, lối sống, vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi nhau làm cho không khí gia đình căng thẳng. Tính đến nay, vợ chồng chị N đã sống ly thân nhau 05 năm. Do đó, chị N yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Hồng Ph.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa chị N và anh Ph trong quá trình chung sống đã xảy ra trong thời gian dài nhưng cả hai người không có biện pháp gì để cải thiện, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hạnh phúc, hòa thuận không đạt được.

Đối với anh Ph đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục để đến Tòa án tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị N nhưng anh Ph đều cố tình vắng mặt. Điều này chứng tỏ anh Ph không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với chị N hay không. Tại biên bản lập ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị N và anh Ph thể hiện: quá trình chung sống tại địa Ph giữa chị N và anh Ph có xảy ra mâu thuẫn, có lúc xô xát chính quyền địa Ph có đến hòa giải. Tại phiên toà chị N khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh Ph, nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị N về việc ly hôn anh Ph là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Phạm Thị N và anh Phạm Hồng Ph có hai con chung là Phạm Thị H, sinh năm 1998 và Phạm Thị Thùy T, sinh ngày 24/8/2004. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Thùy T cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được. Đối với con chung là Phạm Thị H hiện nay đã trưởng thành và tự lập được nên chị N không có yêu cầu gì.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Phạm Thị Thùy T đang ở với chị N và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Đối với anh Ph, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Ph vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên không thể xác định được nguyện vọng của anh Ph về vấn đề nuôi con chung. Nay ly hôn chị N vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là Phạm Thị Thùy T, sinh ngày 24/8/2004 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9,10; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị N.

1.Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Phạm Hồng Ph.

2.Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 01 con chung tên là Phạm Thị Thùy T, sinh ngày 24/8/2004 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4.Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5.Về án phí: chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001088 ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp P;
- Chi cục THADS tphố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà